

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/LĐ-ST

Ngày: 18-12-2024

V/v tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp
đồng lao động vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm – Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở của Trung tâm Y tế thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Nguyễn Kim Lý - Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 91/2024/TLST-LĐ ngày 13/11/2024 về việc: “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2024/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Tổ A, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Duy H, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/8/2024. Có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH O1; địa chỉ: Đường Đ, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị Tú O – Chức vụ: Nhân viên Phòng Nhân sự. Là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 21/11/2024. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Phó Giám đốc.

Là đại diện theo uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền số 14a/GUQ-BHXXH ngày 03/6/2024. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Số C L, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Nguyên vào ngày 01/8/2015 đến tháng 06/2023, bà X có vào làm công nhân may tại Tổng Công ty M – Công ty Cổ phần; địa chỉ: Số D, đường B, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh và được Công ty tham gia đóng Bảo hiểm xã hội đến tháng 06/2023 thì nghỉ việc.

Khoảng tháng 7/2024, bà X có liên hệ Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh Bạc Liêu để làm thủ tục nhận bảo hiểm thất nghiệp và BHXH xã hội một lần nhưng được thông báo có 02 sổ bảo hiểm xã hội và bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2015 đến tháng 09/2017, cụ thể như sau:

- Sổ 1: 9521884194 thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2015 đến tháng 06/2023 do BHXH Thành phố H cấp (Tổng Công ty M – Công ty Cổ phần Đ).

- Sổ 2: 7415189384 thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2015 đến tháng 09/2017 do BHXH huyện (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương cấp (Công ty TNHH O1 đóng).

Khoảng tháng 12/2015, bà X có cho em ruột là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu mượn giấy chứng minh nhân dân số 385719755 mang tên Nguyễn Thị X để làm hồ sơ đi xin việc tại Bình Dương. Lý do tại thời điểm này, bà L chưa đủ 18 tuổi trong khi hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có việc làm để phụ giúp gia đình nên bà L đã sử dụng thông tin cá nhân của bà X để ký kết hợp đồng lao động với công ty TNHH O1 và tham gia bảo hiểm xã hội (với tên Nguyễn Thị X) từ tháng 12/2015 đến tháng 09/2017 thì nghỉ việc.

Việc cho bà L sử dụng chứng minh của bà X để tham gia bảo hiểm dẫn đến trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà X. Do đó, tại đơn khởi kiện bà X yêu cầu Tòa án huỷ Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị X và Công ty TNHH OSCO VN và kiến nghị Bảo hiểm xã hội thành phố O1, tỉnh Bình Dương xử lý thời gian tham gia bảo hiểm xã hội đứng tên Nguyễn Thị X với số sổ: 7415189384 đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH O1 bị trùng theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 22/11/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị X (do bà Nguyễn Thị L mượn tên) và Công ty TNHH O1, thời gian làm việc từ tháng 12/2015 đến tháng 09/2017 là vô hiệu do người ký

kết hợp đồng không phải là bà. Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc cho người khác sử dụng chứng minh nhân dân của bà để làm việc tại Công ty TNHH O1 dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là ngoài ý muốn của Công ty. Do đó, bà X tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 21/11/2024, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Dương Thị Tú O trình bày:

Qua kiểm tra trên phần mềm vi tính thì thấy bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu có làm việc tại Công ty TNHH O1 và tham gia bảo hiểm xã hội với số bảo hiểm xã hội số: 7415189384 từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2017. Tuy nhiên, bà X nghỉ việc đã lâu, Công ty không tìm thấy hồ sơ hợp đồng liên quan đến bà X. Do hợp đồng bà X đã chấm dứt nên Công ty không còn liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Công ty không có ý kiến gì khác.

Tại Công văn số 769/CV-BHXH ngày 21/11/2024, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố O1 trình bày:

Số sổ bảo hiểm của bà Nguyễn Thị X theo hợp đồng lao động được ký kết là 7415189384; Công ty TNHH O1 có tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN với tên Nguyễn Thị X, sinh ngày 05/01/1995, CMND: 385719755 như sau: 12/2015-12/2015 mức lương 3.317.000 đồng; 01/2016-3/2016 mức lương 3.745.000 đồng; 04/2016-4/2016 mức lương 3.825.000 đồng; 5/2016-12/2016 mức lương 3.745.000 đồng; 01/2017-9/2017 mức lương 4.012.500 đồng. Công ty TNHH O1 được BHXH tỉnh B phân cấp cho BHXH thành phố B quản lý từ tháng 5/2018. Công ty TNHH O1 đã chốt sổ cho người lao động vào ngày 30/10/2017. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, BHXH thành phố B không có ý kiến.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Khoảng tháng 12/2015, bà L có mượn Chứng minh nhân dân số 385719755 mang tên Nguyễn Thị X để làm hồ sơ đi xin việc tại Bình Dương. Lý do tại thời điểm này, bà L chưa đủ 18 tuổi trong khi hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có việc làm để phụ giúp gia đình nên bà L đã sử dụng thông tin cá nhân của bà X để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O1 và tham gia bảo hiểm xã hội (với tên Nguyễn Thị X) từ tháng 12/2015 đến tháng 09/2017 thì nghỉ việc.

Do thời gian nghỉ việc đã quá lâu, bà L không còn giữ hợp đồng lao động hay bảng lương nên không còn chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Do thiếu hiểu biết pháp luật nên bà L đã sử dụng chứng minh nhân dân của bà X để tham gia Hợp đồng lao động với Công ty TNHH O1. Thời điểm ký hợp đồng lao động với bà L, Công ty TNHH O1 không biết bà L sử dụng giấy tờ của bà X để xin việc. Nay bà L đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH O1. Thời điểm bà L mượn chứng minh nhân dân của bà X để xin việc ở Công ty thì bà X đang làm việc Tổng Công ty M – Công ty Cổ phần; địa chỉ: Số D, đường

B, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Bà X làm việc tại Tổng Công ty M – Công ty Cổ phần từ 8/2015 đến tháng 06/2023 thì nghỉ việc.

Sau khi nghỉ việc, bà X không làm thủ tục nhận bảo hiểm xã hội được vì bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà L từ tháng 12/2015 đến tháng 09/2017. Vì vậy, bà X khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị X (do bà Nguyễn Thị L mượn tên) và Công ty TNHH O1, thời gian làm việc từ tháng 12/2015 đến tháng 09/2017 là vô hiệu thì bà L đồng ý. Sau khi bà L nghỉ việc thì quyền lợi và nghĩa vụ của bà L với Công ty TNHH O1 chấm dứt nên bà L không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử đến khi tiến hành phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự, đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định, không vi phạm pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện Công ty TNHH O1; địa chỉ: Đường Đ, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 BLTTDS Tòa án xác định bị đơn là Công ty TNHH O1. Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố O1 theo quy định của Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH O1 và bà Nguyễn Thị X. Tuy nhiên, Công ty TNHH O1 thừa nhận có Hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động là bà Nguyễn Thị X nhưng thời gian đã lâu nên không còn lưu trữ. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH O1 và người lao động có thông

tin Nguyễn Thị X. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Nguyễn Thị X như sau:

Mã số bảo hiểm xã hội 7415189384: Từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2017 tại Công ty TNHH O1.

Mã số bảo hiểm xã hội 9521884194: Từ tháng 8/2015 đến tháng 6/2023 tại Tổng Công ty M – Công ty Cổ phần.

[2.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Bà Nguyễn Thị X ký kết hợp đồng lao động với Tổng Công ty M – Công ty Cổ phần và làm việc từ tháng 8/2015 đến tháng 6/2023 và được Công ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số 9521884194.

Bị đơn Công ty TNHH O1 xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Nguyễn Thị X và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2017. Đến tháng 9/2017, bà X nghỉ việc tại công ty. Hiện hồ sơ lao động của bà X công ty không còn lưu trữ. Việc bà L mượn hồ sơ của người khác để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O1 thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L xác nhận: Do thiếu hiểu biết pháp luật và hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên bà L có mượn giấy tờ tùy thân của bà X để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O1 từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2017 thì nghỉ việc.

Việc bà L sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà X để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 7 Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, việc bà Nguyễn Thị X yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị X (do bà Nguyễn Thị L mượn tên) với Công ty TNHH O1 là có căn cứ theo quy định tại các Điều 127 và 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ

quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Như vậy, Công ty TNHH O1 cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Nguyễn Thị X từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2017. Tuy nhiên, thực tế bà X chỉ làm việc tại Tổng Công ty M – Công ty Cổ phần, không làm việc tại Công ty TNHH O1. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH O1 với bà Nguyễn Thị X là vô hiệu như những phân tích ở trên.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 127 và 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 7 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với Công ty TNHH O1 về việc tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị X và Công ty TNHH O1 (thời gian làm việc từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2017) vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Kiều Oanh**